TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGUYÊN BÌNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:10/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 28 / 3 / 2022.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYÊN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Lịch.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Văn Nùng và bà Mã Thu Huyền
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Văn Dũng; Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nguyen Bình, tỉnh Cao Bằng.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, Cao Bằng tham gia phiên tòa:* Không

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLSTHNGĐ ngày 05/01/2022 về việc: "yêu cầu giải quyết ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bàn Thị T, sinh năm 1988,
Nơi ĐKHKTT: Xóm D, xã Q, huyện B, tỉnh Cao Bằng.
Địa chỉ chỗ ở khi ly hôn: Xóm C, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Chu Khánh C, sinh năm 1991, trú tại: xóm D, xã Q, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình chị Bàn Thị T (nguyên đơn) trình bày:

Chị Bàn Thị T và anh Chu Khánh C được gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán từ năm 2011 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Sau kết hôn chị T đến chung sống cùng gia đình anh C tại xóm D, xã Q, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị T cho rằng do anh C không tu trí

làm ăn, thường hay vô cớ gây sự, chửi mắng chị nhiều lần, tháng 4 năm 2015 chị đã xin đi làm công nhân tại một Công ty ở tỉnh Thái Nguyên, đến tháng 8 năm 2021 hết hạn hợp đồng chị trở về tiếp tục chung sống cùng anh C, nhưng anh C vẫn không thay đổi, mỗi khi thấy chị nghe điện thoại thì anh C lại tỏ thái độ ghen tuông, nghi ngờ, gây sự đe dọa, chửi mắng chị, thậm trí có lần anh C đã vứt đồ đạc tư trang cá nhân, quần áo của chị ngoài sân nhà và đuổi chị ra khỏi nhà, thấy không thể tiếp tục chung sống với anh C nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại C, xã H, huyện B, Cao Bằng và vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/ 2021 đến nay. Nay nhận chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Chu Khánh C.

Tại bản tự khai, và phiên hòa giải, phiên Tòa, anh Chu Khánh C (bị đơn) trình bày:

Anh cùng nhất với lời trình bày của chị T về thủ tục kết hôn, thời gian chung sống. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có một con chung; đến năm 2017 tình cảm vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân anh cho rằng chị T có quan hệ tình cảm với người khác. Cụ thể là chị T đã đối xử nhạt nhẽo với anh, anh cùng đi làm Công ty và thuê phòng trọ chung nhưng chị T có nhiều biểu hiện khiến anh nghi ngờ như chị T bỏ đi chơi không xin phép và không nói cho anh biết là chị đi đâu? làm gì? ở đâu? và đã có nhiều lần chị T đi ngủ qua đêm ở ngoài, không về phòng trọ chung, có lần anh gạn hỏi thì chị T nói là chị đã có người khác không còn tình cảm với anh, vì quá bức xúc nên anh đã thôi không làm hợp đồng Công ty và bảo chị T cùng anh về nhà để cùng làm lụng, nuôi con. Nhưng chị T không đồng ý và anh bỏ về quê trước chị. Đến tháng 8/2021 hết hạn hợp đồng chị T trở về quê nhưng chị T vẫn luôn tỏ thái độ lạnh nhạt đối với anh, không giúp đỡ anh công việc gia đình và chăm con, sau khi về được khoảng 01 tháng, đến tháng 9/2021 vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau và chị T bỏ về bên nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Sự việc mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải cụ thể là anh C và mẹ anh đã đến nhà bố mẹ vợ nhờ khuyên bảo và để đón chị T về nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị, anh mong muốn chị T suy nghĩ và trở lại hàn gắn đoàn tụ vợ chồng tiếp tục cùng nhau làm ăn chung sống và anh hứa sẽ khắc phục sửa chữa những khuyết điểm mà anh đã có lỗi với chị.

Về con chung: Chị T và anh C xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Chu Quang L, sinh ngày 30/7/2012, hiện đang ở với anh C. Sau khi ly hôn Chị T yêu cầu có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh C không đồng ý với yêu cầu của chị vì anh và mẹ anh đã tự chăm sóc nuôi con từ khi chị T đi Công ty cho đến nay, nếu ly

hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị T đóng góp nuôi con chung.

Nguyện vọng của cháu Chu Quang L là không muốn bố mẹ ly hôn nhưng nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống với bố và bà Nội.

Về tài sản chung: Cả hai anh chị cùng xác nhận có một số tài sản chung có giá trị như ngôi nhà và một số vật dụng sử dụng phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Các khoản nợ chung: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án* : Chị Bàn Thị T và Anh Chu Khánh C cùng có nơi đăng ký thường trú tại xóm D, xã Q, huyện B, tỉnh Cao Bằng, Chị T có đơn đề nghị yêu cầu giải quyết ly hôn, Nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị T và anh Chu Khánh C kết hôn từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng vợ chồng vẫn hoà hợp lại. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng, không tôn trọng nhau, anh C nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Chị T đã bỏ đi làm công nhân ở tỉnh Thái Nguyên, khi hết thời gian hợp đồng lao động tháng 8/2021 chị T trở nhà nhưng quan hệ vợ chồng vẫn không cải thiện được, anh chị vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh C thừa nhận ít uống rượu nhưng có lần uống rượu anh chị đã cãi chửi nhau và anh có được vứt đồ đạc cá nhân như quần áo chị T ra sân. Nay chị T yêu cầu được ly hôn, anh C không đồng ý, anh yêu cầu chị T trở lại đoàn tụ. Tuy nhiên từ thời điểm hai anh chị ly thân đến khi tòa đưa vụ án ra xét xử, anh C không có biện pháp tích cực khắc phục quan hệ hôn nhân vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của chị T là chính đáng, quá trình chung sống vợ chồng chị T thường xuyên mâu thuẫn. Từ năm 2017, anh C không chủ động gặp chị T để hoà giải hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng vợ chồng, đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh C đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa chị T vẫn

giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh C, Nên chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Bản Thị T đối với anh Chu Khánh C là phù hợp tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Chu Quang L, sinh ngày 30/7/2012, cháu có nguyện vọng được sống với bố. Cả hai anh chị cùng nhất trí anh C là người được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Sự thỏa thuận của hai anh chị là phù hợp với Điều 81; 82 và 83 của luật hôn nhân và gia đình 2014

[4] Về tài sản chung: Chị T, anh C tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét.

[5] Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét.

Về án phí: Chị T thuộc đối tượng được miễn án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2014; Điều 9, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm đ khoản , khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Chị Bàn Thị T được ly hôn anh Chu Khánh C.

2. *Về con chung*: Công nhận thỏa thuận của chị Bàn Thị T và anh Chu Khánh C về việc anh C là người được trực tiếp nuôi con là cháu Chu Quang L, sinh ngày 30/7/2012 đến đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con do anh C không yêu cầu chị Bàn Thị T phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Chị Bàn Thị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Trường hợp có thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Chị Bàn Thị T và anh Chu Khánh C tự thỏa thuận, không đặt ra giải quyết.

Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết

4. *Án phí:* Chị Bàn Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Chị Bàn Thị T, anh Chu Khánh C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TA Cao Bằng;
-VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- Các đương sự.
-UBND xã Q;
-Lưu án văn;
-Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thu Lịch